TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 80/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/7/2024
V/v:Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM- TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Hà
2. Ông Huỳnh Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa .

Ngày 05 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm. tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/04/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị T trình bày: Năm 1992 chị T và anh K do quen biết, tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 30/12/2002. Sau ngày cưới vợ chồng sống tại ấp M, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến tháng 06 năm

2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Huỳnh Văn Quốc T, sinh ngày 20/07/1993 và Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày 14/6/2001, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bảng khai ý kiến bị đơn anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh K đồng ý ly hôn với chị T. Anh chị có hai con chung tên Huỳnh Văn Quốc T, sinh ngày 20/07/1993 và Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày 14/6/2001, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị T trình bày: Chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh K, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm theo quy định tại Điều 28, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 27/5/2024 anh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Văn K được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, chị T yêu cầu ly hôn và anh K cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị T và anh K là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh K thống nhất xác định các con là Huỳnh Văn Quốc T, sinh ngày 20/07/1993 và Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày 14/6/2001 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Văn K xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Huỳnh Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Văn K.

1.2.Về con chung: Chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Văn K thống nhất xác định các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3.Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

2. Về án phí: Chị Huỳnh Thị T phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0009024 ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, chị T đã nộp xong.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm, đối với các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- VKSND huyện Vũng Liêm
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Thị Ngọc Dung